



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ
PHƯƠNG ĐÔNG**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2012)
Bà Lê Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2012)
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Phúc	Giám đốc
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Thành phố Vinh, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Số: *220* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 35.740.771.671 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42.649.797.334 VND), lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 49.297.839.211 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 52.385.505.621 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2012 và năm 2013 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty cũng đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty mới hạch toán vào chi phí khác khoản phí phải trả PVN cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 với số tiền 1,5 tỷ VND. Khoản phí sử dụng nhãn hiệu phải trả PVN cho 6 tháng cuối năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 với tổng số tiền 1 tỷ VND chưa được Công ty hạch toán. Theo giải thích của Công ty, tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí trên từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Nếu Công ty hạch toán đúng khoản phí phải trả theo cam kết từ các kỳ kế toán trước, chi phí 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty sẽ giảm 1 tỷ VND và lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty sẽ tăng lên 1 tỷ VND.
- Như đã trình bày ở phần Thuyết minh số 6 và 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đang phản ánh khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.132 VND. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, Công ty quyết định chưa xử lý các khoản công nợ nêu trên do Công ty đang làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH vì cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2012

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		31.765.140.408	24.131.264.241
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	19.960.073.241	11.701.076.879
1. Tiền	111		14.894.596.046	11.701.076.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.065.477.195	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.189.321.722	5.870.340.726
1. Phải thu khách hàng	131	5	23.882.495.391	22.707.420.809
2. Trả trước cho người bán	132	6	28.691.866.363	27.299.501.025
3. Các khoản phải thu khác	135		2.804.804.411	803.570.104
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.189.844.443)	(44.940.151.212)
III. Hàng tồn kho	140	7	1.558.379.868	3.615.422.838
1. Hàng tồn kho	141		1.558.379.868	3.615.422.838
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.365.577	2.944.423.798
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		57.365.577	1.718.845.736
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	1.225.578.062
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		159.717.603.174	163.820.637.703
I. Tài sản cố định	220		146.616.453.856	150.395.455.279
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	143.490.619.960	147.286.385.998
- Nguyên giá	222		188.821.561.775	192.218.344.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.330.941.815)	(44.931.958.180)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	409.926.755	465.009.413
- Nguyên giá	228		762.561.950	762.561.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.635.195)	(297.552.537)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.715.907.141	2.644.059.868
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	12.172.670.000	12.172.670.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		928.479.318	1.252.512.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	678.479.318	1.002.512.424
2. Tài sản dài hạn khác	268		250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		191.482.743.582	187.951.901.944

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		67.844.177.279	67.401.002.051
I. Nợ ngắn hạn	310		67.505.912.079	66.781.061.575
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	50.560.000.000	50.540.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.595.664.638	6.555.436.215
3. Người mua trả tiền trước	313		579.866.150	82.926.799
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	787.224.858	578.069.415
5. Phải trả người lao động	315		3.861.463.679	-
6. Chi phí phải trả	316		1.381.322.506	571.075.320
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.842.784.636	8.555.968.214
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(102.414.388)	(102.414.388)
II. Nợ dài hạn	330		338.265.200	619.940.476
1. Vay và nợ dài hạn	334		140.000.000	409.275.076
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		198.265.200	210.665.400
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		123.638.566.303	120.550.899.893
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	123.638.566.303	120.550.899.893
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		116.593.948	116.593.948
4. Lỗ lũy kế	420		(49.297.839.211)	(52.385.505.621)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		191.482.743.582	187.951.901.944



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Lê Thị Hồng Gấm
Phó Phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	75.123.119.370	61.819.615.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	1.006.636.363	767.506.993
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		74.116.483.007	61.052.108.178
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	64.535.898.203	52.627.472.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.580.584.804	8.424.636.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	323.069.261	102.827.727
7. Chi phí tài chính	22	19	655.251.186	642.803.126
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		654.889.526	641.544.854
8. Chi phí bán hàng	24		1.198.000.470	1.049.919.751
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.639.548.305	3.992.890.326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.410.854.104	2.841.850.607
11. Thu nhập khác	31	20	345.443.650	98.748.913
12. Chi phí khác	32	21	1.668.631.344	640.566.545
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.323.187.694)	(541.817.632)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		3.087.666.410	2.300.032.975
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.087.666.410	2.300.032.975
17. Lợi nhuận sau thuế trên cổ phiếu	70	23	206	153



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Lê Thị Hồng Gấm
Phó Phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.087.666.410	2.300.032.975
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.942.792.390	3.850.866.313
Các khoản dự phòng	03	(249.693.231)	86.475.417
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(637.702.177)	(100.887.491)
Chi phí lãi vay	06	654.889.526	641.544.854
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.797.952.918	6.778.032.068
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.843.709.703)	(4.811.152.291)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	2.057.042.970	(1.975.464.679)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	687.550.228	5.077.843.999
Giảm tài sản ngắn hạn khác	12	1.985.513.265	(25.928.858)
Tiền lãi vay đã trả	13	(639.264.526)	(641.544.854)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(187.545.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.045.085.152	4.214.240.330
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(190.668.273)	(8.425.345.215)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	345.278.546	270.633.061
3. Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	27	319.300.937	101.857.609
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	473.911.210	(8.052.854.545)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	564.496.800
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(260.000.000)	(2.210.725.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(260.000.000)	(1.646.228.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.258.996.362	(5.484.843.139)
Tiền đầu kỳ	60	11.701.076.879	8.519.076.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền cuối kỳ	70	19.960.073.241	3.034.233.384



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Lê Thị Hồng Gấm
Phó Phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2009.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 08 tháng 6 năm 2010, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Mua bán bia rượu các loại, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Vận chuyển hành khách đường bộ, theo hợp đồng, khách du lịch bằng ô tô;
- Đại lý, mua bán: phân bón, xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu;
- Mua bán, chế biến hàng nông sản;
- Dịch vụ môi giới tuyển sinh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Mua bán các loại hàng hóa phục vụ khách du lịch;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Mua bán thiết bị điện tử, viễn thông, điện lạnh, điện dân dụng, điện gia dụng, đồ nội thất gia đình, nội thất văn phòng;
- Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học;
- Mua bán sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá bất động sản và quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản);
- Chế biến, mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm mía đường, các mặt hàng chế biến từ lâm sản (mù cao su, nhựa thông,...);
- Khai thác, mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi;
- Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ bán vé máy bay và các phương tiện vận tải công cộng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 264 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 261 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 35.740.771.671 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42.649.797.334 VND), lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 49.297.839.211 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 52.385.505.621 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản nợ dài hạn đến hạn trả 50 tỷ đồng cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2012 và năm 2013 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm (*)
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,4 - 50
Máy móc, thiết bị	13 - 50
Phương tiện vận tải	10 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản khác	4 - 8

(*) Một số tài sản được bàn giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.007.934.697	1.332.607.550
Tiền gửi ngân hàng	12.886.661.349	10.368.469.329
Các khoản tương đương tiền (*)	5.065.477.195	-
	<u>19.960.073.241</u>	<u>11.701.076.879</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Nghệ An.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	17.341.643.231	17.420.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	474.941.714	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	572.038.593	-
Các khách hàng của Khách sạn Phương Đông	4.437.456.485	4.586.367.301
Các khách hàng khác	1.056.415.368	701.053.508
	<u>23.882.495.391</u>	<u>22.707.420.809</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (*)	27.097.000.000	27.097.000.000
Công ty TNHH MTV Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc	1.041.574.998	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phương Dũng	50.000.000	-
Công ty cung ứng nghiệp vụ chất lượng cao Quốc tế Golden Services	240.000.000	-
Các đơn vị khác	263.291.365	202.501.025
	<u>28.691.866.363</u>	<u>27.299.501.025</u>

(*) Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25 tháng 01 năm 2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản phải thu và trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND (được trình bày tại Thuyết minh số 6) và 27.097.000.000 VND (trình bày ở bảng trên) đã được trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, Công ty quyết định chưa xử lý các khoản công nợ nêu trên do Công ty đang làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH do cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	679.376.543	843.152.160
Công cụ, dụng cụ	253.068.960	291.602.036
Hàng hóa	625.934.365	2.480.668.642
Cộng	<u>1.558.379.868</u>	<u>3.615.422.838</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	140.242.980.470	35.599.454.728	4.483.651.864	297.081.353	11.595.175.763	192.218.344.178
Mua sắm mới	52.122.000	66.699.000	-	-	-	118.821.000
Thanh lý	(30.600.000)	(2.928.217.370)	(431.826.000)	(124.960.033)	-	(3.515.603.403)
Tại ngày 30/6/2012	140.264.502.470	32.737.936.358	4.051.825.864	172.121.320	11.595.175.763	188.821.561.775
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	25.564.483.259	14.396.110.459	1.885.796.865	179.679.855	2.905.887.742	44.931.958.180
Trích khấu hao	1.707.315.314	1.367.137.394	211.617.954	17.371.192	584.267.878	3.887.709.732
Thanh lý	(20.100.000)	(2.928.217.370)	(431.826.000)	(108.582.727)	-	(3.488.726.097)
Tại ngày 30/6/2012	27.251.698.573	12.835.030.483	1.665.588.819	88.468.320	3.490.155.620	45.330.941.815
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	113.012.803.897	19.902.905.875	2.386.237.045	83.653.000	8.105.020.143	143.490.619.960
Tại ngày 31/12/2011	114.678.497.211	21.203.344.269	2.597.854.999	117.401.498	8.689.288.021	147.286.385.998

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.717.837.271 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.873.629.251 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.205.342.187 VND (năm 2011: 6.205.342.187 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> <u>VND</u>	<u>Phần mềm máy tính</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	400.000.000	362.561.950	762.561.950
Mua sắm mới	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	<u>400.000.000</u>	<u>362.561.950</u>	<u>762.561.950</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	297.552.537	297.552.537
Khấu hao trong năm	-	55.082.658	55.082.658
Tại ngày 30/6/2012	-	<u>352.635.195</u>	<u>352.635.195</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	<u>400.000.000</u>	<u>9.926.755</u>	<u>409.926.755</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>400.000.000</u>	<u>65.009.413</u>	<u>465.009.413</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2011</u> <u>VND</u>
Số dư đầu kỳ/năm	2.644.059.868	2.821.844.395
Tăng trong kỳ/năm	71.847.273	6.045.995.968
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(6.223.780.495)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>2.715.907.141</u>	<u>2.644.059.868</u>

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên với tỷ lệ tương ứng là 16,5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị khoản đầu tư dài hạn này không bị suy giảm nên không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.002.512.424	1.690.121.463
Tăng trong kỳ/năm	297.100.855	12.198.038.221
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(621.133.961)	(7.238.628.437)
Giảm khác	-	(5.647.018.823)
Số dư cuối kỳ/năm	678.479.318	1.002.512.424

Khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh giá trị trang thiết bị, nội thất liên quan đến việc nâng cấp Khách sạn Phương Đông và giá trị công cụ, dụng cụ được sử dụng cho bộ phận bếp, buồng và nhà hàng của khách sạn.

13. VAY NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh (ii)	560.000.000	540.000.000
	50.560.000.000	50.540.000.000

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, chịu lãi suất 1,5%/năm và được sử dụng để tài trợ cho dự án nâng cấp khách sạn Phương Đông từ 3 sao lên 4 sao. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2009. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay. Hiện tại, Công ty đang chịu mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, tương ứng với 2,25%/năm.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 01/2010/HĐ ngày 08 tháng 11 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 1.400.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4 xe ô tô, với tổng nguyên giá là khoảng 2.973.617.215 VND, chịu lãi suất 14%/năm trong kỳ đầu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng lãi trả sau cộng phí ngân hàng tối thiểu 4,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm hiện hành. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn để thực hiện dự án cải tạo Nhà hàng Trường Thi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	550.849.227	384.965.778
Thuế tiêu thụ đặc biệt	184.575.550	154.627.997
Thuế thu nhập cá nhân	3.935.199	38.465.640
Thuế khác	47.864.882	10.000
	787.224.858	578.069.415

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các cổ đông của Công ty bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	7.428.756	49,53%	74.287.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.630.600	10,87%	16.306.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát	1.470.000	9,8%	14.700.000.000
Cổ đông đại chúng	4.470.644	29,8%	44.706.440.000
	15.000.000	100%	150.000.000.000

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	150.000.000.000	22.819.811.566	304.139.003	(55.409.695.370)	117.714.255.199
Lãi trong năm	-	-	-	3.024.189.749	3.024.189.749
Chi quỹ dự phòng tài chính	-	-	(187.545.055)	-	(187.545.055)
Tại ngày 01/01/2012	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(52.385.505.621)	120.550.899.893
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.087.666.410	3.087.666.410
Tại ngày 30/6/2012	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(49.297.839.211)	123.638.566.303

16. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	35.847.482.945	35.142.447.691
- Kinh doanh phân bón	39.043.474.002	26.534.871.138
- Kinh doanh khác	232.162.423	142.296.342
	75.123.119.370	61.819.615.171
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.006.636.363	767.506.993
	1.006.636.363	767.506.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	26.463.771.616	27.569.827.546
Kinh doanh phân bón	38.072.126.587	25.057.644.549
	<u>64.535.898.203</u>	<u>52.627.472.095</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	319.300.937	42.958.012
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.850.105	970.118
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.918.219	58.899.597
	<u>323.069.261</u>	<u>102.827.727</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	654.889.526	641.544.854
Chi phí tài chính khác	361.660	1.258.272
	<u>655.251.186</u>	<u>642.803.126</u>

20. THU NHẬP KHÁC

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	345.278.546	-
Các khoản thu nhập khác	165.104	98.748.913
	<u>345.443.650</u>	<u>98.748.913</u>

21. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	26.877.306	-
Bồi thường, bị phạt và chi phí khác	141.754.038	640.566.545
Chi phí sử dụng nhãn hiệu PVN (*)	1.500.000.000	-
	<u>1.668.631.344</u>	<u>640.566.545</u>

(*) Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ KHÁC (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty kết chuyển chi phí sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” của năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011 chưa được hạch toán vào chi phí các năm 2010, 2011 mà vẫn phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn” tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 vào chi phí khác.

Khoản phí sử dụng nhãn hiệu phải trả PVN cho 6 tháng cuối năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 với tổng số tiền 1 tỷ VND chưa được Công ty hạch toán. Theo giải thích của Công ty, tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí trên từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.087.666.410	2.300.032.975
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗi các năm trước chuyển sang	(52.385.505.621)	(55.409.695.370)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(49.297.839.211)	(53.109.662.395)
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
	3.087.666.410	2.300.032.975
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	206	153

24. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 9.715,5 m² đất tại số 2 đường Trường Thi, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 9 năm 1996. Đơn giá thuê đất bình quân là 33.848 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 237/HĐ-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2009 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 1.125,2 m² đất tại số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 12 năm 2009. Đơn giá thuê đất bình quân là khoảng 37.200 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Ngày 19 tháng 3 năm 2007, Công ty đã tiếp nhận khu đất của Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản (diện tích 3.189 m²) theo Quyết định số 785/QĐ-UBND-ĐMDN ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc bàn giao khu đất về Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hợp đồng thuê khu đất này chưa được ký chính thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.960.073.241	11.701.076.879
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.594.455.359	5.667.839.701
Đầu tư dài hạn	12.172.670.000	12.172.670.000
Tổng cộng	40.727.198.600	29.541.586.580
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	50.700.000.000	50.949.275.076
Phải trả người bán và phải trả khác	9.711.722.240	11.123.734.406
Chi phí phải trả	1.381.322.506	571.075.320
Tổng cộng	61.793.044.746	62.644.084.802

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty không thực hiện một giao dịch có gốc ngoại tệ nào và cũng không có các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính bằng ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đã được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu các đơn vị có liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 5 và 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.711.722.240	-	9.711.722.240
Các khoản vay	50.560.000.000	140.000.000	50.700.000.000
Chi phí phải trả	1.381.322.506	-	1.381.322.506
Tại ngày 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.123.734.406	-	11.123.734.406
Các khoản vay	50.540.000.000	409.275.076	50.949.275.076
Chi phí phải trả	571.075.320	-	571.075.320

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/6/2012			
Tiền và tương đương tiền	19.960.073.241	-	19.960.073.241
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.594.455.359	-	8.594.455.359
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và tương đương tiền	11.701.076.879	-	11.701.076.879
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.667.839.701	-	5.667.839.701
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000

Như đã trình bày ở phần Thuyết minh số 5 và 6 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu khó đòi của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền 44.438.643.132 VND.

Bên cạnh đó, như đã trình bày ở Thuyết minh số 13, khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Tổng công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí để gia hạn hợp đồng vay. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng số nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn 35.740.771.671 VND. Tuy nhiên Công ty đã nhận được sự cam kết hỗ trợ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Cổ đông chính của Công ty để đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty hoạt động trong năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012
đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh thành phố Vinh	136.794.479	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến 30/6/2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	257.371.585	881.923.262

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.



Trần Đình Phúc
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Lê Thị Hồng Gấm
Phó Phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

Số: 483 /PTC-TCKT
V/v: Giải trình ý kiến lưu ý của kiểm toán tại
Báo cáo tài chính bán niên được soát xét

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện quy định của Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, liên quan đến những nội dung lưu ý của kiểm toán tại Báo cáo tài chính bán niên được soát xét 6 tháng đầu năm 2012, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (mã CK: PDC) xin giải trình như sau:

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 35.409.005.851 VND (31 tháng 12 năm 2011: 42.649.797.334 VND), lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 49.297.839.211 VND (31 tháng 12 năm 2011: 52.385.505.621 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó phía cổ đông chính của PTC là Ngân hàng TM CP Đại Dương đã có công văn số 2980/2012/CV-TGD xác nhận hỗ trợ về tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình.

- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán khoản phí trên vào chi phí hoạt động kinh doanh năm 2010 và 2011 mà vẫn phản ánh tại khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 khoản phí phải trả của năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011 với số tiền 1,5 tỷ VND đến 6 tháng đầu năm 2012 khoản tiền này đã được hạch toán vào chi phí khác. Mặt khác, Công ty chưa trích trước khoản phí sử dụng thương hiệu PVN phải trả cho 6 tháng cuối năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 với số tiền 1 tỷ VND là do tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn giảm khoản chi phí trên.

- Khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Hiện tại, Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân Tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND, và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 1 năm 2012 của



Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu khó đòi của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền 44.438.643.132 VND và chưa có quyết định xử lý đối với khoản công nợ này.

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông xin giải trình để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);
- Người được ủy quyền CBTT;
- Lưu: VT, TCKT, ĐTD.

